

Bản án số: 12/2026/DS-ST.

Ngày 20/3/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Văn Đàn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Thắng và ông Phan Văn Quý.

- Thư ký phiên toà: ông Phan Khắc Quân - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 5.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 14/2026/QĐST-DS ngày 03/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Lê Văn P**; địa chỉ: số A đường H, xã T, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Bị đơn: ông **Lê Thiên T**; địa chỉ: số A đường T, khu phố T, phường N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Lê Văn P trình bày:

Ngày 10/5/2024, ông Lê Thiên T có mượn của ông Lê Văn P 1000 đô la mỹ (USD), hẹn trong vòng 01 tháng trả đủ. Quá hạn ông T không trả. Ngày 16/4/2025, ông T tự viết giấy xin trả bằng tiền Việt, hai bên thống nhất quy đổi 1.000 USD thành 30.000.000 VNĐ. Ông T cam kết mỗi tháng trả 5.500.000 đồng, trong 06 tháng sẽ trả hết nhưng đến nay ông T vẫn không trả. Ông P khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông T trả nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi 1,6%/tháng (19,2%/năm).

- Bị đơn ông Lê Thiên T: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên họp, phiên hoà giải cũng như tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ nội dung “Giấy mượn tiền” ngày 10/5/2024 đã xác định được giao dịch giữa ông Lê Thiên T với ông Lê Văn P là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vay không có lãi). Bị đơn ông Lê Thiên T có địa chỉ cư trú tại phường N, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Thiên T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả nợ tiền gốc 30.000.000 đồng:

Căn cứ “Giấy mượn tiền” ngày 10/5/2024 giữa người cho mượn tiền là ông Lê Văn P với người mượn tiền là ông Lê Thiên T xác định được ông T có mượn của ông P 1000 USD (một ngàn Đô la), thời hạn trả là 01 tháng, đến nay chưa trả.

Theo Điều 22 Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) và Thông tư 32/2013/TT-NHNN, trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo... của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối (trừ một số trường hợp được Ngân hàng N cho phép). Tuy nhiên, theo “Giấy chuyển đổi tiền” đề ngày 16/4/2025 đứng tên ông Lê Thiên T đã thể hiện nội dung xin quy đổi số nợ 1.000 USD thành 30.000.000 đồng VNĐ và được ông P đồng ý, như vậy, thỏa thuận mới được coi là hợp đồng vay tài sản bằng tiền Việt Nam, thay thế cho “Giấy mượn tiền” ngày 10/5/2024, nay chưa trả thì cần áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015 buộc ông T phải trả cho ông P nợ gốc 30.000.000 đồng.

[3.2] *Đối với yêu cầu tiền lãi:*

Tại “Giấy chuyển đổi tiền” ngày 16/4/2025, ông Lê Thiên T thỏa thuận mỗi tháng trả 5.500.000 đồng, trả hết trong vòng 06 tháng. Thỏa thuận này được tính thành 33.000.000 đồng (5.500.000 đồng x 06 tháng) lớn hơn tiền nợ gốc 3.000.000 đồng, được xác định là tiền lãi, mức lãi 1,6%/tháng ($19,2\%/năm = 0,0526\%/ngày$). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 16/4/2025 đến ngày 20/3/2026. Xét thấy, mức lãi, thời gian tính lãi nguyên đơn yêu cầu có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên cần căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận, theo đó, tiền lãi ông T phải trả cho ông P là 5.344.000 đ ($30.000.000 \times 1,6\%/tháng \times 11 tháng 04 ngày$). Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi từ ngày 21/3/2026 cho đến khi trả xong theo lãi suất các bên đã thỏa thuận.

[3.3] Tổng cộng số tiền gốc và lãi buộc ông Lê Thiên T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn P là: 35.344.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 5.344.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị đơn ông Lê Thiên T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.767.000 đồng (35.344.000 đồng x 5%). Nguyên đơn ông Lê Văn P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phát sinh việc xem xét hoàn trả tiền tạm nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Thiên T phải trả cho ông Lê Văn P tổng số tiền là: **35.344.000 đồng** (*Ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/4/2025 đến ngày 20/3/2026 là 5.344.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,6%/tháng (19,2%/năm).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Thiên T phải chịu 1.767.000 đồng (*Một triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm;

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Quảng Trị
(Phòng THADS KV5);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đàn